

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 7 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị N và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Công Sét
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Quách Thanh P của Văn phòng luật sư X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2003 chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 20-8-2007. Vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh H có biểu hiện không chung thủy, chị góp ý khuyên nhủ thì bị anh H chửi mắng, hành hung. Từ đó, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, từ tháng 9 năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Ngày 23-3-2020 chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 19-5-2004; Nguyễn Thái H1, sinh ngày 24-12-2008; Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 11-10-2017, cả 03 con chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con hằng tháng theo quy định pháp luật.

- Về chia tài sản: chị N không có yêu cầu.

Nợ chung: chị N khai không có.

Theo chị N trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột của chị và dượng rể của anh H biết. Tại văn bản ngày 28-4-2020 bà Phạm Thị Thiện (tự Đơn là mẹ ruột chị N) cho biết, trong thời gian chị N và anh H tìm hiểu tình cảm bà không đồng ý anh H, vì bà nghe dư luận anh H sống chung với phụ nữ khác và có hành vi bạo lực gia đình nhưng chị N thương anh H, nên bà đồng ý gả. Bà nghe chị N nói vợ chồng mâu thuẫn do anh H sống không chung thủy, N ghen thì bị H đánh, vợ chồng lục đục, bà có khuyên nhưng anh H không sửa đổi, từ tháng 9-2019 đến nay vợ chồng ly thân, chị N về ở với bà, thời gian ly thân H không gặp N hàn gắn. Bà nhận thấy chị N và anh H không thể trở lại sống chung, đề nghị Tòa án cho N ly hôn H.

Tại văn bản ngày 02-6-2020, ông Nguyễn Văn Na (dượng rể của anh H) cho biết, khi vợ chồng có đứa con đầu lòng thì giữa N và H xảy ra lục đục, cự cãi, ông không rõ nguyên nhân. Sau đó, ông nghe mẹ ruột chị N nói lại vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, ông có khuyên vợ chồng, nhưng N có biểu hiện không muốn hàn gắn. Trước đây Nều lần chị N bỏ đi, rồi trở về sống chung với H, lần này N nộp đơn ly

hôn, theo ông nghĩ vợ chồng có mâu thuẫn nhưng có khả năng trở lại sống chung như những lần trước.

Luật sư Quách Thanh P phát biểu ý kiến, chị N và anh H có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có Nều mâu thuẫn do anh H sống không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình, đã vi phạm Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, từ tháng 9 năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân; về nuôi con chung chị N đang nuôi ba con và chị yêu cầu tiếp tục nuôi, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con theo luật định, phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh H, giao ba con cho chị N nuôi dưỡng, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng anh Nguyễn Văn H (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh H chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn do anh H sống không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình, theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H; về nuôi con chung, từ lúc ly thân đến nay chị N nuôi con ổn định và các con có nguyện vọng sống với chị N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N và buộc anh H cấp dưỡng cho con theo quy định; về chia tài sản và nợ chung không có, nên không xem xét; về án phí, chị N và anh H phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh H.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh H sống không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình, Nều lần đánh chị N, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau hàn gắn; mẹ chị N đề nghị Tòa án cho ly hôn, đương rẻ của anh H xác định anh chị có mâu thuẫn và Nều lần chị N bỏ đi và không muốn hàn gắn với anh H. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, đề nghị của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị N và anh H.

[4] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị N nuôi ba con có cuộc sống ổn định, cháu Nguyễn Trọng Ng và cháu Nguyễn Thái H1 đều có nguyện vọng sống với chị N. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi 03 con tên: Nguyễn Trọng Ng, Nguyễn Thái H1 và Nguyễn Thị Ngọc H2. Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hằng tháng theo quy định pháp luật, yêu cầu này phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức cấp dưỡng, căn cứ mục 2 phần III của công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000đ, nếu tính $\frac{1}{2}$ thì bằng 745.000đ/tháng, nhưng chị N nuôi 03 con cần buộc anh H cấp dưỡng mỗi con 1.000.000đ/tháng x 03 con = 3.000.000đ/tháng Thời hạn cấp dưỡng kể ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi các con thành niên.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[6] Về chia tài sản: không có, không đề cập.

[7] Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách Nệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí, chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 20-8-2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 03 con chung tên Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 19-5-2004; Nguyễn Thái H1, sinh ngày 24-12-2008; Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 11-10-2017 cho chị N trực tiếp nuôi, cả 03 con chị N đang nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng cho con Nguyễn Trọng Ng, Nguyễn Thái H1, Nguyễn Thị Ngọc H2 3.000.000đ/tháng/3con. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi các con thành niên.

Anh Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006473 ngày 12-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000đ.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Công Sết

Nguyễn Thị Kim Chi

Hồ Thị Kim Phương

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan Thi hành án huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương